TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2018/HS-ST Ngày 20-3-2018	

NHÂN DA3H
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung;

Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS,ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1986 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; trình độ văn H: 3/12; nghề ngH2: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Trần Văn B, sinh năm: 1949 (*đã chết*) và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1954; vợ: Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1987 (*đã ly hôn năm 2015*), không có con chung; tiền án: Không; tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 09/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tạm giữ từ ngày 19/6/2017 đến ngày 28/6/2017 tại Nhà tạm giữ Công A3 thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; tạm giam từ ngày 28/6/2017 đến ngày 29/11/2017 tại Trại tạm giam Công A3 tỉnh Đồng Tháp; tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công A3 thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Nguyễn Thành L, sinh năm 1990 (đã chết).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Ngô Thị ThA3h, sinh năm 1972 (mẹ ruột của Nguyễn Thành L), (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA3*:

1. Ngô Văn H, sinh năm 1995 (có mặt);

2.Trần Vĩnh A3, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Dương L, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Ngô Thị Thủy, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2. Trần Vĩnh H1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3. Trần Văn H2, sinh năm 1983 (có mặt);

4. Trần Văn T1, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 18/6/2017, các A3h Trần Vĩnh A3, Nguyễn Dương L (*Chí Hải*), Ngô Văn H, Trần Văn H2 và bị hại Nguyễn Thành L (*Vũ L*) có tổ chức uống rượu, bia tại nhà của ông Trần Vĩnh H1 (*9 H1*), địa chỉ ấp A, xã A1, thị xã H. Trong lúc uống rượu có nói chuyện lớn tiếng, nên Trần Văn T ở gần đó, đến đứng cập hông nhà của ông H1, kêu những người đA3g nhậu không được nói chuyện lớn tiếng vì T không ngủ được, dẫn đến có cự cãi qua lại, được một lúc thì T bỏ vào nhà của ông Trương Văn Ngọ (*6 Sển*) là bà con với T ngủ.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút, cùng ngày Nguyễn Dương L cầm lấy một chai bia loại Sài gòn đỏ ném vào nhà ông Ngọ, lúc này T thức dậy cầm lấy chai bia ném lại, dẫn đến hai bên tiếp tục cãi vã, lúc đó bà Thủy (*vợ ông H1*) điện thoại báo Công A3 xã A1 đến mời T về làm việc. Sau khi làm việc xong T về nhà ông Ngọ.

Khoảng 22 giờ 15 phút, thì nhóm nhậu tại nhà ông 9 H1 nghỉ nhậu và đi bộ về nhà của H và bà 6 Sen để ngủ, trên đường về khi đi ngA3g nhà ông Ngọ, nhìn thấy T nên A3 và H mỗi người có cầm một cây gỗ. Khi nhìn thấy nhóm của L; T lên tiếng chửi thô tục nên nhóm của bị hại L chửi lại, ngay lập tức T dùng tay phải lấy 01 con

dao để trên bàn cán bằng gỗ, có lưỡi bằng kim loại sắc nhọn chạy từ trong nhà ra thì H, A3 cầm cây gỗ và bị hại L chạy tới đánh T trúng vào vùng ngực và vùng đầu, T dùng tay phải đA3g cầm dao đâm 01 cái vào vùng bụng bên phải của L. Lúc này, bà Thủy chạy đến cA3 ngăn, còn T bỏ dao lại hiện trường và đi về nhà ông Ngọ ngủ. L được mọi người đưa đến bệnh viện đa khoa Khu vực H cấp cứu, do vết thương nặng nên chuyển đến Bệnh viện Hữu Nghị, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục điều trị. Đến 15 giờ 30 phút ngày 19/6/2017, tiếp tục chuyển đến bệnh viện Chợ Rẫy - Thành phố Hồ Chí Minh điều trị.

Đến 18 giờ, ngày 20/6/2017 Nguyễn Thành L tử vong tại nhà riêng ở ấp 3, xã P, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên nhân xảy ra vụ việc đánh nhau là do nhóm của bị hại L trong lúc uống rượu tại nhà ông H1 có nói chuyện lớn tiếng, T không ngủ được nên đã cự cải qua lại bằng những lời nói thô tục và thách thức nhau, dẫn đến nhóm của bị hại L cầm cây gỗ đánh T và T cầm dao đâm trúng vào người bị hại L. Sau khi gây ra hành vi phạm tội, bị cA3 T đã khai báo thành thật trước Cơ quA3 điều tra, Viện kiểm sát.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 487/LK - KTHS, ngày 27/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A3 tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau:

- *Dấu hiệu chính qua giám định*:

+ *Vết thương thấu bụng do bị đâm* ở vị trí đường nách trước bên phải dài 08cm nơi khoảng liên sườn 8-9, phòi mạc nối, được tiến hành mổ cầm máu cấp cứu.

+ Các vết thương cơ liên sườn, mạc nối và gA3 đã được xử lý cấp cứu.

+ Hậu phẫu ngày thứ hai, cấp cứu cầm máu ổ bụng trên cơ địa người có bệnh sơ gA3 nặng, diễn biến sau mổ bệnh nặng không qua khỏi.

- *Nguyên nhân chết*: Nguyễn Thành L, sinh năm 1990, bị vết thương thấu bụng do vật sắc tạo nên, hậu phẫu ngày thứ hai cấp cứu cầm máu ổ bụng trên cơ địa người có bệnh sơ gA3 nặng, diễn biến sau mổ sốc suy đa tạng không hồi phục là nguyên nhân gây nên tử vong.

Tại Công văn số: 367/PC45, ngày 06/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A3 tỉnh Đồng Tháp, về việc giải thích cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi, như sau:

"+ Vết thương rách thủng một vết thẳng ở mặt trước thùy gA3 phải (*bên phải dây chằng liềm*), kích thước dài 06cm, sâu nhất 3,5cm, trên thành vết thương và xung quA3h mô tế bào gA3 không có biểu hiện của phản ứng sống (*không có Fibrin yếu tố đông máu hình thành, không có phản ứng viêm như sưng, tấy đỏ, hình thành*

mủ, không có vùng mô hoại tử,....), chứng tỏ vết thương do sự nứt vỡ hình thành sau khi nạn nhân chết.

+ Với đặc điểm *vết không liên tục tổ chức mô gA3* nêu trên, phân tích thấy hai mép vết bị tách rời nhau có dạng gợn sóng (*không sắc nhọn*), thành rảnh thương không phẳng, đáy rảnh thương không sâu đồng đều và liên tục, đầu trong vết thương nham nhỡ, không sắc nhọn (*có thể hình thành trong quá trình xoay trở, khiên, vận chuyển, ... sau khi nạn nhân chết*). Không do vật sắc tác động trực tiếp gây đứt gA3."

***** *Vật chứng vụ án Cơ quA3 điều tra đã thu giữ:*

+ 01 (*Một*) con dao có tổng chiều dài 28cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11cm x rộng 2,5cm; phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 17cm x nơi rộng nhất 05cm; có mũi nhọn; lưỡi sắc bén.

+ 01 (*Một*) chiếc dép bằng nhựa, loại dép quai kẹp, màu nâu, trên quai dép có chữ GIDA, dép của bàn chân phải, có chiều dài 26,5cm, phần gót chân rộng 08cm, nơi rộng nhất 10,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 96cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 79cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) túi niêm phong mã số PS2A-036519, có chữ ký niêm phong xác nhận của các bên có liên quA3.

* *Về trách nhiệm dân sự*:

Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành L là bà Ngô Thị ThA3h yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 119.618.422đ (*Một trăm mười chín triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*), bị cáo T thống nhất bồi thường số tiền trên nhưng đến nay chưa bồi thường được khoản tiền nào cho phía bị hại.

Tại Cơ quA3 điều tra, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời

khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA3, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị ThA3h là người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thành L yêu cầu xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định pháp luật.

Về dân sự: Bà Ngô Thị ThA3h yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại do tính mạng của con bà là Nguyễn Thành L bị xâm phạm gồm các khoản: Tiền chi phí cứu chửa, tiền thu nhập lao động thực tế bị mất, chí phí mai táng, tiền tổn thất về mặt tinh thần, tổng cộng các khoản là 119.618.422 đồng.

Bị cáo Trần Văn T đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà Ngô Thị ThA3h.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổ, bổ sung năm 2009). Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: "Cố ý gây thương tích". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số:41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa T giữa bị cáo Trần Văn T với bà Ngô Thị ThA3h là người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thành L, bị cáo Trần Văn T đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Ngô Thị ThA3h với tổng số tiền là 119.618.422đ (*Một trăm mười chín triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*).

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (*Một*) con dao có tổng chiều dài 28cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11cm x rộng 2,5cm; phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 17cm x nơi rộng nhất 05cm; có mũi nhọn; lưỡi sắc bén.

+ 01 (*Một*) chiếc dép bằng nhựa, loại dép quai kẹp, màu nâu, trên quai dép có chữ GIDA, dép của bàn chân phải, có chiều dài 26,5cm, phần gót chân rộng 08cm, nơi rộng nhất 10,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 96cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 79cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) túi niêm phong mã số PS2A-036519, có chữ ký niêm phong xác nhận của các bên có liên quA3.

Bị cáo Trần Văn T thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA3h tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc cự cãi và đánh nhau với nhóm của bị hại Nguyễn Thành L, T đã dùng tay phải cầm một con dao bằng kim loại có đặc điểm: Tổng chiều dài 28cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11cm x rộng 2,5cm; phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 17cm x nơi rộng nhất 05cm; có mũi nhọn; lưỡi sắc bén, là hung khí nguy hiểm, đâm trúng vào vùng nách trước bên phải, nơi khoảng liên sườn 8-9 của bị hại Nguyễn Thành L dẫn đến A3h L bị tử vong.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về tử thi số: 487/LK - KTHS, ngày 27/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A3 tỉnh Đồng Tháp, căn cứ Công văn số: 367/PC45, ngày 06/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A3 tỉnh Đồng Tháp, căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổ, bổ sung năm 2009).

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 00 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 01 năm 2018, căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định tội "Cố ý gây thương tích" có mức hình phạt từ năm năm đến mười lăm năm, còn tại khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội "Cố ý gây thương tích" có mức hình phạt là từ 07 năm đến 14 năm; Đồng thời so sánh cả điều luật thì mức hình phạt cao nhất của Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt cao nhất là từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Xét thấy mặc dù mức hình phạt cao nhất

của hai điều luật như nhau, nhưng hình phạt của Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức khởi điểm thấp hơn so với Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Dó đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng Điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

"*1.Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:*

a)……..

2……..

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm".

Hành vi phạm tội của Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị A3 tại địa phương.

Về nhân thân của bị cáo, trước đây đã bị xét xử về hành vi vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, đáng ra trong thời giA3 chấp hành án, bị cáo phải ăn năn hối cải, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng bị cáo không làm được điều đó mà chỉ vì xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, bản thân bị cáo không tự kiềm chế được và đã thực hiện hành vi gây thương tích cho A3h L, dẫn đến hậu quả A3h L bị tử vong.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội thể hiện bản chất xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác nên cần phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy trong qúa trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời giA3 nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý thức phạm tội như bị cáo.

Đối với các đối tượng gồm: Nguyễn Dương L, Trần Vĩnh A3, Ngô Văn H có dùng cây gỗ tham gia đánh T, nhưng T có đơn yêu cầu không xử lý hình sự và không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích. Đồng thời ngày 22/12/2017, Cơ quA3 Cảnh sát điều tra Công A3 thị xã H có Công văn đề nghị Công A3 thị xã H xử lý hành chính đối với Nguyễn Dương L, Trần Vĩnh A3, Ngô Văn H nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[2] Về vật chứng của vụ án:

Đối với các vật chứng liên quA3 đến hành vi phạm tội của bị cáo gồm:

+ 01 (*Một*) con dao có tổng chiều dài 28cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11cm x rộng 2,5cm; phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 17cm x nơi rộng nhất 05cm; có mũi nhọn; lưỡi sắc bén.

+ 01 (*Một*) chiếc dép bằng nhựa, loại dép quai kẹp, màu nâu, trên quai dép có chữ GIDA, dép của bàn chân phải, có chiều dài 26,5cm, phần gót chân rộng 08cm, nơi rộng nhất 10,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 96cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 79cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với pháp luật.

+ Đối với túi niêm phong mã số PS2A-036519, theo Biên bản niêm phong ngày 19/6/2017 thì bên trong có gạc y tế có dính chất màu nâu đỏ (nghi là máu), xét thấy vật chứng này không liên quA3 đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị ThA3h là người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại do tính mạng của con bà là Nguyễn

Thành L bị xâm phạm, gồm các khoản: Tiền chi phí cứu chửa, tiền thu nhập lao động thực tế bị mất, chí phí mai táng, tiền tổn thất về mặt tinh thần, tổng cộng các khoản là 119.618.422 đồng, bị cáo Trần Văn T đồng ý bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền trên, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa T giữa người bị hại với bị cáo và phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên về mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA3 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quA3 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA3 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA3 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T đã phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: Ngày 19/6/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa T giữa bị cáo Trần Văn T với người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Ngô Thị ThA3h: Bị cáo Trần Văn T đồng ý bồi thương thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà Ngô Thị ThA3h số tiền là 119.618.422đồng *(Một trăm mười chín triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)*.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (*Một*) con dao có tổng chiều dài 28cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11cm x rộng 2,5cm; phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 17cm x nơi rộng nhất 05cm; có mũi nhọn; lưỡi sắc bén.

+ 01 (*Một*) chiếc dép bằng nhựa, loại dép quai kẹp, màu nâu, trên quai dép có chữ GIDA, dép của bàn chân phải, có chiều dài 26,5cm, phần gót chân rộng 08cm, nơi rộng nhất 10,5cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 96 cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04 cm x 2,5 cm.

+ 01 (*Một*) thA3h gỗ dài 79cm, có bốn cạnh hình chữ nhật kích thước 04cm x 2,5cm.

+ 01 (*Một*) túi niêm phong mã số PS2A-036519, có chữ ký niêm phong xác nhận của các bên có liên quA3.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã H đA3g quản lý).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA3 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.980.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 6.180.500đồng (Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời giA3 chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA3 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2018).

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA3 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TA3D tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. H;
- Cơ quA3 Điều tra Công A3 TX. H;
- Cơ quA3 THA HS Công A3TX. H;
- Bị cáo: Trần Văn T;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA3;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống